

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HC-PT
Ngày 14-12-2022
V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông K'Tiêng
- *Các thẩm phán:* Ông Lương Đức Dương và ông Nguyễn Hồng Chương
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Trương Thị Diễm My là Thư ký

Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Thị Mừng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số: 01/2022/TLPT-HC ngày 25-10-2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai*” do có kháng cáo của người bị kiện đối với bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2022/HC-ST ngày 31-8-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông, tỉnh Đắk Nông, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2022/QĐXXPT-HC ngày 28-10-2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 01/2022/QĐPT-HC ngày 15-11-2022, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị Cẩm T1; địa chỉ: Tổ A, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông T và bà T1: Bà Bùi Thị D; địa chỉ: Tổ B, phường H, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xét xử vắng mặt.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban dân nhân phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đặng Xuân L – Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N – Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Võ Văn N và bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Tổ A, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

3.2. Ông Võ Văn P; địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang – Có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30-11-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện và người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện trình bày:

Trước năm 1994, vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị Cẩm T1 có khai hoang diện tích đất khoảng hơn 02 ha tại phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Quá trình sử dụng đất không có tranh chấp mà chỉ có ông Võ Văn P và ông Võ Văn N tranh chấp đất với nhau về diện tích thửa đất liền kề thửa đất của vợ chồng ông. Phần đất giữa gia đình ông T và gia đình ông N, ông P rất rõ ràng (được ngăn cách bởi hàng cây keo trồng được gần 20 năm). Ngày 11-12-2020 ông nộp hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) thì ông N làm đơn gửi Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) phường N kiến nghị về việc ngăn chặn. Việc UBND phường N ban hành Thông báo số 05 ngày 03-5-2021 từ chối giải quyết hồ sơ, lý do vì hồ sơ đo đạc, mốc thửa đất giữa các hộ giáp ranh ký chưa đúng, cụ thể về phía đông đất đang tranh chấp giữa hộ ông Võ Văn P và hộ ông Võ Văn N, về phía bắc đất chuyên dùng của Tổ A đang quản lý và đơn kiến nghị về việc ngăn chặn giao dịch, cấp GCNQSDĐ của ông Võ Văn N. Gia đình ông không đồng ý vì những lý do sau: Việc tranh chấp giữa ông P và ông N không liên quan đến diện tích ông T đề nghị cấp GCNQSDĐ. Bản thân ông N cũng thừa nhận không có tranh chấp với ông T; về phía Bắc là đất chuyên dùng thì diện tích đất này không nằm trong diện tích đất mà ông T đề nghị cấp GCNQSDĐ; ông Nguyễn Văn N không có quyền ngăn chặn đối với thửa đất ông T đề nghị cấp GCNQSDĐ. Vì vậy, gia đình ông T, bà T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa tuyên hủy Thông báo từ chối giải quyết hồ sơ số 05 ngày 03-5-2021 của UBND phường N và buộc UBND phường N phải nhận hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ mà UBND phường N đã trả để làm thủ tục đề nghị UBND thành phố cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông T.

Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện trình bày:

UBND phường N là cơ quan thực hiện thủ tục hành chính về việc cấp GCNQSDĐ cho người dân. Ngày 03-5-2021, UBND phường N đã ban hành thông báo số 05 về việc từ chối giải quyết hồ sơ cấp GCNQSDĐ do đất của ông T, bà T1 đang có tranh chấp, có đơn ngăn chặn của ông N. Đồng thời, việc tranh chấp là của anh em ruột trong gia đình nên UBND phường đã đề anh em tự hòa giải với nhau trường hợp hòa giải được thì phường sẽ nhận hồ sơ. Nay ông T, bà T1 đã gửi đơn ra Tòa thì đề nghị Tòa án căn cứ thực tế, chứng cứ và thẩm quyền để giải quyết, UBND phường N căn cứ vào phán quyết của Tòa án để xử lý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn N và bà Nguyễn Thị H trình bày:

Năm 1992, gia đình ông N khai hoang được diện tích khoảng 1,5 ha đất tại Tổ A, phường N. Năm 1994, gia đình ông trồng cây cà phê trên toàn bộ diện tích đất này. Đến năm 2006, Nhà nước thu hồi một phần diện tích để làm thủy điện I, phần đất còn lại gia đình ông sử dụng ổn định cho đến nay. Ngày 05-12-2019, gia đình ông N nộp hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ thì nhận được thông báo trả hồ sơ của UBND phường N với lý do ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị Cẩm T có đơn ngăn chặn hình thức làm sổ, sang nhượng với lý do trong diện tích xin cấp GCNQSDĐ của gia đình ông có khoảng 03 sào đất của ông Võ Văn P hiện đang cư trú tại tỉnh An Giang và hướng dẫn các gia đình tự thỏa thuận với nhau. Sau khi nhận được hướng dẫn, gia đình ông N đã liên hệ với gia đình ông T và ông P nhưng không hợp tác. Do vậy, ông đề nghị phải giải quyết được tranh chấp giữa gia đình ông và

gia đình ông T trước rồi mới làm thủ tục cấp GCNQSDĐ. Tại phiên toà sơ thẩm, ông N trình bày ông T, bà T1 lấn đất phần ranh của ông N với chiều ngang 01m, chiều dài đến hết thửa đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn P trình bày: Khoảng năm 1992 đến năm 1995, gia đình ông Nguyễn Văn T có khai hoang được một thửa đất khoảng 05 ha. Năm 1996, ông T thấy ba anh em nhà vợ là gồm Võ Văn P, Võ Văn N, Võ Văn T2 còn khó khăn nên ông T chia cho ba anh em ông P mỗi người một phần diện tích đất cụ thể: Ông P được chia 03 sào; ông T2 được chia 06 sào; ông N có diện tích khoảng 08 sào. Sau đó, ba anh em của ông thống nhất để ông N canh tác trên toàn bộ mảnh đất đó rồi gửi tiền cho ông P nuôi mẹ tại An Giang. Thời gian sau đó, ông N không gửi tiền thu được nhờ canh tác nên ông P muốn lấy lại đất nhưng ông N không đồng ý. Năm 2020, được biết ông N đang làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất nêu trên nên ông P đã nhờ ông T làm đơn ngăn chặn đến UBND phường N.

Bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2022/HC-ST ngày 31-8-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông: Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; áp dụng khoản 2 Điều 105 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 75, 76 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; khoản 11a Điều 7 Thông tư số: 33/2017/TT-BTNMT ngày 29-9-2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Điều 11 Thông tư số: 25/2014/TT-BTNMT ngày 19-5-2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xác định ranh giới thửa đất, lập bản mô tả ranh giới, mốc đất: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị Cẩm T1, tuyên hủy Thông báo số: 05 ngày 03-5-2021 của Ủy ban nhân dân phường N, thành phố G về từ chối giải quyết hồ sơ. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 13-9-2022, người bị kiện kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm mở ngày 15-11-2022: Người khởi kiện có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện “Buộc UBND phường N phải nhận hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ mà UBND phường N đã trả đề làm thủ tục đề nghị UBND thành phố cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông T”; người bị kiện không có ý kiến đối với nội dung này. Ngoài ra, người khởi kiện đề nghị Tòa án bác đơn kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ông Đặng Xuân L trình bày bổ sung các nội dung: UBND phường N nhận được đơn yêu cầu hòa giải tranh chấp đất đai ngày 29-4-2020 của ông Võ Văn N đối với ông Nguyễn Văn T, bà Võ Thị Cẩm T nhưng chưa tổ chức hòa giải được do chưa thực hiện được việc kiểm tra thực địa. Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ vào Báo cáo số: 06/BC-TTr ngày 15-5-2020 của Thanh tra thành phố Gia Nghĩa xác định diện tích đất giáp ranh diện tích đất ông T đề nghị xin cấp GCNQSDĐ thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông T không có tranh chấp là không đúng, diện tích này do Tổ A, phường N quản lý. Căn cứ vào kết quả lồng ghép tại tờ bản đồ số 40 được Công ty cổ phần T đo đạc được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ ký xác nhận ngày 31-12-2020 thì một phần diện tích đất

(khoảng 12m²) ông T xin cấp GCNQSDĐ chồng lấn qua phần diện tích đất do Tổ A, phường N quản lý và một phần đã được cấp GCNQSDĐ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn N và bà Nguyễn Thị H trình bày: Thực tế diện tích đất hai bên gia đình ông N và ông T sử dụng ổn định, không tranh chấp, tranh giới đất rõ ràng, cụ thể. Tuy nhiên, ông N, bà H không đồng ý mình là người giáp ranh thực tế nhưng ông T để ông Võ Văn P là người ký giáp ranh. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm mở ngày 14-12-2022, người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn N và bà Nguyễn Thị H đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2022/HC-ST ngày 31-8-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông. Đối với yêu cầu khởi kiện đã rút không đề cập xem xét, giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thời hạn kháng cáo: Căn cứ khoản 1 Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính, đơn kháng cáo của người bị kiện đúng thời hạn quy định.

[1.2]. Về nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 209 của Luật Tố tụng hành chính, người bị kiện thực hiện đúng quy định.

[2]. Về nội dung kháng cáo, xét thấy:

[2.1]. Tại mục [2.2] phần Nhận định của Tòa án bản án sơ thẩm nêu “*Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện xác định từ trước đến nay ông Võ Văn N, ông Võ Văn P chưa làm đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai với ông T và bà T1*” mâu thuẫn với Đơn yêu cầu hòa giải tranh chấp đất đai đề ngày 29-4-2020 của ông Võ Văn N, bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Văn T, bà Võ Thị Cẩm T có xác nhận UBND phường N nhận ngày 07-6-2020 (bút lục số 81, Tòa án cấp sơ thẩm thu thập). Tuy nhiên, UBND phường N đã vi phạm Điều 202 của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 88 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai về hòa giải tranh chấp đất đai. Mặt khác, ông N, bà H chưa gửi đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai với ông T, bà T1 đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 203 của Luật Đất đai, song ngày 25-8-2020, ông N gửi đơn kiến nghị xin ngăn chặn làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho ông T đến UBND phường N là không có căn cứ pháp luật.

[2.2]. Bản án sơ thẩm nhận định thửa đất thực tế do Tổ A, phường N quản lý, giáp với thửa đất của ông T đề nghị cấp GCNQSDĐ tại các cạnh 2,3,4,5 Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất (bút lục số 11) thuộc quyền sử dụng đất của ông T theo Báo cáo số: 06/BC-TTr ngày 15-5-2020 của Thanh tra thành phố G là không đúng pháp luật, bởi lẽ Báo cáo số: 06/BC-TTr ngày 15-5-2020 là văn bản mang tính chất nội bộ của Thanh tra thành phố G báo cáo với Chủ tịch UBND thành phố G. Ngày 25-5-2020, UBND thành phố G ban hành Công văn số: 988/UBND-TTr gửi UBND phường N chỉ đạo xác minh giải quyết nội dung kiến nghị của ông T, đến ngày 17-01-2022, UBND phường N có Báo cáo số: 10/BC-UBND gửi UBND thành phố G về việc ông T và Tổ A chưa gửi đơn yêu cầu hòa giải tranh chấp đất đai theo quy định nên UBND phường N chưa có cơ sở giải quyết. Tuy nhiên, lời khai của ông N, bà H và ông Đặng Công C (Tổ trưởng Tổ A, phường N) đều khẳng định thực tế giữa thửa đất của ông T đề nghị cấp GCNQSDĐ và thửa đất có các cạnh 2,3,4,5 Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất (bút lục số 11) và các cạnh 5,6,7,8 Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất (bút lục số 11) của ông N, bà H có ranh giới rõ ràng, không có tranh chấp về ranh giới. Do đó, các đương sự không ký giáp ranh không làm ảnh hưởng đến việc ông T xin cấp GCNQSDĐ. Song, việc ông T tự ký giáp ranh tại cạnh 2,3 Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất (bút lục số 11) và ông P ký giáp ranh tại cạnh 6,7 Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất (bút lục số 11) không phải là căn cứ xác định thửa đất giáp ranh theo các cạnh này thuộc quyền sử dụng của ông T (thực tế Tổ A đang quản lý) và ông P (thực tế ông N, bà H đang sử dụng). Trường hợp giữa ông T và Tổ A; ông P và ông N, bà H có tranh chấp đất đai sẽ được giải quyết trong một vụ án khác khi các bên có yêu cầu khởi kiện.

[2.3]. Do đó, Thông báo số: 05 ngày 03-5-2021 của UBND phường N về từ chối giải quyết hồ sơ của ông Nguyễn Văn T là không đúng quy định tại khoản 11 Điều 7 Thông tư số: 33/2017/TT-BTNMT ngày 29-9-2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung Điều 11a Thông tư số: 24/2014/TT-BTNMT ngày 19-5-2014 quy định về từ chối hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

[2.4]. Đối với nội dung ông Đặng Xuân L trình bày bổ sung UBND phường N căn cứ vào kết quả lồng ghép tại tờ bản đồ số 40 được Công ty cổ phần T đo đạc được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ ký xác nhận ngày 31-12-2020 có một phần diện tích đất (khoảng 12m²) ông T xin cấp GCNQSDĐ chồng lấn qua phần diện tích đất do Tổ A, phường N quản lý: Biên bản làm việc ngày 02-12-2022 với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ, có nội dung “Tờ bản đồ số 40 do Công ty cổ phần T thực hiện theo Hợp đồng kinh tế số: 2012/HĐKT-TNMT ngày 24-12-2019 giữa công ty và Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã G (nay là thành phố G), tỉnh Đắk Nông; sau khi Phòng Tài nguyên và Môi trường có ý kiến, Sở Tài nguyên và Môi trường đồng ý ký 01 bộ bản đồ theo đề nghị của Phòng TNMT thành phố G chỉ để phục vụ cho việc kê khai đăng ký, đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn thành phố phục vụ cho việc quản lý đất đai được tốt hơn. Tuy nhiên, các đơn vị phải cam kết chỉ phục vụ vào mục đích kê khai đăng ký đất đai và không phục vụ vào các việc khác (không dùng để cấp GCNQSDĐ). Ngoài ra, trong khi kê khai đăng ký phải cập nhật các ranh dự án đã thu hồi trên

địa bàn còn thiếu lên bản đồ địa chính, trình Sở TNMT ký duyệt lại sản phẩm trước khi xét duyệt hồ sơ cấp GCNQSDĐ; Phòng TNMT thành phố chịu trách nhiệm yêu cầu đơn vị kiểm tra giám sát và đơn vị thi công (Công ty cổ phần T) rà soát lại tất cả các tờ bản đồ theo ý kiến trên của Sở TNMT trước khi trình ký duyệt lại bản đồ và giao nộp sản phẩm đầy đủ theo quy định”. Như vậy, UBND phường N căn cứ tờ bản đồ số 40 nêu trên để xác định khoảng 12m² đất trong phần diện tích đất ông T đề nghị cấp GCNQSDĐ chồng lấn với diện tích đất thực tế do Tổ A, phường N quản lý tại các cạnh 4,5 Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất (bút lục số 11) là không có căn cứ pháp luật (đã theo nhận định tại mục [2.2] nêu trên ranh giới thực tế là rõ ràng, không tranh chấp).

[2.5]. Đối với nội dung ông Đặng Xuân L trình bày bổ sung một phần của diện tích đất ông T đề nghị cấp GCNQSDĐ đã được cấp GCNQSDĐ: Biên bản làm việc ngày 23-11-2022 với Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố G, có nội dung “Đối với diện tích đất ông Nguyễn Văn T hợp đồng đo đạc với Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố G (Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 12-10-2020) có một phần diện tích đất khoảng 1.480m² tại thửa đất số 173, tờ bản đồ số 33 đã được cấp GCNQSDĐ (cấp tập trung năm 2007), tuy nhiên gia đình ông T chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính (chưa đóng thuế) nên GCNQSDĐ này đã lưu, chưa có giá trị pháp lý. Tờ bản đồ số 33 chưa được nghiệm thu theo đúng quy định pháp luật nên không thể thực hiện việc lồng ghép, xác định chính xác vị trí thửa đất số 173 này trong diện tích đất đo đạc theo hiện trạng sử dụng thực tế của ông T”. Biên bản làm việc ngày 13-12-2022 với Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ, có nội dung “Tờ bản đồ số 33 (phường N) chưa được nghiệm thu theo đúng quy định, không làm căn cứ cấp GCNQSDĐ”. Như vậy, nội dung ông L trình bày bổ sung nêu trên là không có căn cứ pháp luật vững chắc.

[2.6]. Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với người khởi kiện đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, người bị kiện không có ý kiến về nội dung này, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, giải quyết trong phạm vi xét xử phúc thẩm.

[3]. Về án phí: Người bị kiện phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2022/HC-ST ngày 31-8-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; áp dụng khoản 2 Điều 105 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 75, 76 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; khoản 11 Điều 7 Thông tư số: 33/2017/TT-BTNMT ngày 29-9-2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung Điều 11a Thông tư số: 24/2014/TT-BTNMT ngày 19-5-2014

của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Điều 11 Thông tư số: 25/2014/TT-BTNMT ngày 19-5-2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính:

1.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị Cẩm T1: Hủy Thông báo số: 05 ngày 03-5-2021 của Ủy ban nhân dân phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông về từ chối giải quyết hồ sơ.

2. Về án phí và chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 348; khoản 1 Điều 349; khoản 1 Điều 358; khoản 1 Điều 359 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 32; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

2.1. Ủy ban nhân dân phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm; trả lại cho ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị Cẩm T 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm tại Biên lai số: 0006131 ngày 13-12-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

2.2. Ủy ban nhân dân phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông phải trả lại cho ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị Cẩm T 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) (ông T, bà T1 đã nộp tạm ứng theo quy định).

2.3. Ủy ban nhân dân phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai số: 0006366 ngày 27-9-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

3. Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND thành phố Gia Nghĩa;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố G;
- UBND thành phố G;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, THC, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký và đóng dấu*)

K'Tiêng